

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

307.760 959 775

ĐC

Đ 309 CH

ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH



THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
ĐẾN NĂM 2020

307. 760 959 775

D 33 CH.

ĐIỀU CHỈNH
QUY HOẠCH
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
ĐẾN NĂM 2020

2015/BC/VL

992
000892

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

Phần mở đầu

Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung TP. Biên Hòa giai đoạn 2010–2020 được nghiên cứu trên cơ sở kế thừa và tiếp nối đồ án quy hoạch tổng thể xây dựng được phê duyệt năm 1993, được cập nhật các dự án thực hiện trong thời gian qua, bổ sung những nội dung và giải pháp quy hoạch thích hợp với điều kiện và những định hướng phát triển kinh tế – xã hội cho giai đoạn mới.

Trong thời gian qua, TP. Biên Hòa đã tiến hành lập quy hoạch chi tiết tất cả các phường, xã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý đất đai, quản lý xây dựng theo quy hoạch. Tuy nhiên việc thực hiện quy hoạch còn rất nhiều khó khăn vì TP. Biên Hòa được hình thành qua quá trình xây dựng phát triển tự phát, để lại một hiện trạng đô thị bẽ bộn, lộn xộn. Vì vậy việc cải tạo chỉnh trang xây dựng đô thị theo hướng văn minh, hiện đại chắc chắn phải được đầu tư đúng mức. Cần ưu tiên xây dựng và cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy hoạch và triển khai xây dựng các khu tái định cư, các khu dân cư mới theo quy hoạch, thay đổi bộ mặt cảnh quan, kiến trúc đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

Quá trình phát triển công nghiệp và phát triển dân cư kéo theo sự mở rộng công cuộc xây dựng. Cần thiết có một chủ trương chính sách và quy chế quản lý xây dựng thành phố đồng bộ và hiệu quả, đào tạo cán bộ, tổ chức bộ máy quản lý xây dựng đô thị, tiếp tục lập và điều chỉnh các quy hoạch chi tiết, các dự án xây dựng, thông báo các quy hoạch cho nhân dân, tuyên truyền giáo dục nhân dân hiểu biết về quy hoạch và nghiêm chỉnh thực hiện quy hoạch, quy chế xây dựng thành phố.

Biên Hòa là Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh Đồng Nai và nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thành phố đang từng bước phát triển mạnh mẽ, bộ mặt đô thị ngày càng khang trang hiện đại, văn minh.

Để triển khai thực hiện, quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung, thành phố đang tập trung mọi nguồn lực, xây dựng kế hoạch, để triển khai đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm, trong đó trọng điểm là dự án khu trung tâm hành chính, văn hóa, thương mại thành phố tại phường Thống Nhất.

Được sự quan tâm của Tỉnh Ủy, UBND Tỉnh và sự phối hợp của các ngành chức năng của tỉnh cộng với sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền thành phố, trong tương lai không xa thành phố Biên Hòa sẽ trở thành một đô thị phát triển văn minh, hiện đại, bền vững vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Hệ thống văn bản về
**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH QUẢNG
TP. BIÊN HÒA ĐẾN NĂM 2020**

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc điều chỉnh bổ sung Quy hoạch chung
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ điều lệ quản lý quy hoạch đô thị ban hành kèm theo Nghị định số 91/CP ngày 17 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ;

Xét đề nghị của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai tại tờ trình số 1146/TT.UBT ngày 24 tháng 3 năm 2003 và Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại tờ trình số 49/TTr-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi điều chỉnh quy hoạch chung:

Phạm vi điều chỉnh quy hoạch chung bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính TP. Biên Hòa (gồm 23 phường và 3 xã) có tổng diện tích 154,66km² (15.466 héc-ta).

2. Tính chất:

- Là trung tâm công nghiệp và đầu mối giao lưu quan trọng của vùng TP. HCM, vùng Đông Nam bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, dịch vụ, khoa học kỹ thuật, đầu mối giao thông, giao lưu của tỉnh Đồng Nai.

- Có vị trí quan trọng về an ninh và quốc phòng.

3. Quy mô dân số:

a) Hiện trạng năm 2002: Dân số toàn thành phố là 508.438 người, trong đó dân số nội thành là 476.452 người

b) Dự báo năm 2010: Dân số toàn thành phố 645.000 người, trong đó dân số nội thành là 615.000 người

c) Dự báo năm 2020: Dân số toàn thành phố là 830.000 người, trong đó dân số nội thành là 800.000 người.

4. Quy mô đất xây dựng:

a) Hiện trạng năm 2002: Đất xây dựng đô thị khoảng 6.253 hécta với chỉ tiêu 123m²/người, trong đó đất dân dụng 3.297,82hécta với chỉ tiêu 65m²/người.

b) Đến năm 2010: Đất xây dựng đô thị khoảng 8.132 hécta với chỉ tiêu 126m²/người, trong đó đất dân dụng 4.128 hécta với chỉ tiêu 64m²/người.

c) Đến năm 2020: Đất xây dựng đô thị khoảng 9.966 hécta với chỉ tiêu 120m²/người, trong đó đất dân dụng 5.013 hécta với chỉ tiêu 60,4m²/người.

5. Định hướng phát triển không gian và kiến trúc cảnh quan đô thị:

a) Hướng phát triển thành phố: Khai thác, nâng cao hiệu quả quỹ đất xây dựng hiện có, kết hợp mở rộng và phát triển thành phố chủ yếu về phía Bắc, Tây Bắc và dọc hai bên sông Đồng Nai tạo mối liên hệ hài hòa TP. Biên Hòa với TP. HCM và các tỉnh lân cận.

b) Phân khu chức năng:

- Các khu ở có diện tích khoảng 2.357 hécta bao gồm 8 khu:

+ Khu trung tâm cũ gồm: phường Thanh Bình, Hòa Bình, Quyết Thắng, Quang Vinh, Trung Dũng, Bửu Long.

+ Khu hai bên quốc lộ 15 gồm: Phường Thống Nhất, Tân Tiến, Tân Mai, Tam Hiệp.

+ Khu dọc xa lộ gồm: phường Tam Hòa, Bình Đa, An Bình, Long Bình, Long Bình Tân.

+ Khu dọc QL1 phía đông thành phố gồm: phường Tân Hiệp, Tân Biên, Tân Hòa, Hồ Nai.

+ Khu phía bắc quốc lộ 1 gồm: phường Trảng Dài và Tân Phong.

+ Khu cù lao Hiệp Hòa.

+ Khu hữu ngạn sông Đồng Nai và phía Nam quốc lộ 1A gồm: phường Bửu Hòa và Tân Vạn.

+ Khu hữu ngạn sông Đồng Nai giáp Bình Dương gồm: xã Tân Hạnh và Hóa An.

- Các khu công nghiệp, kho tàng quy mô khoảng 1.300 hécta:

+ Khu công nghiệp Biên Hòa 1 quy mô 335 hécta.

+ Khu công nghiệp Biên Hòa 2 quy mô 365hécta

+ Khu công nghiệp Long Bình (Loteco) quy mô 100 hécta.

+ Khu công nghiệp Amata (giai đoạn 1 và 2) quy mô 340 hécta.

+ Di dời các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp tập trung. Xây dựng, phát triển các cụm công nghiệp quy mô nhỏ với tổng diện tích khoảng 160 hécta cách xa khu dân cư và có biện pháp về tổ chức không gian, cây xanh đảm bảo môi trường. Để giải quyết đất cho phát triển trung tâm thành phố, giải quyết triệt để vấn đề môi trường, từ nay đến năm 2010 cần chuẩn bị các điều kiện để thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp tại phường Thống Nhất. Ngừng hoạt động khai thác đá tại các mỏ đá Hóa An, Tân Vạn và Tân Hạnh. Đảm bảo sau năm 2010 không còn các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư.

- Hệ thống các trung tâm đô thị: Có quy mô khoảng 482hécta, bao gồm:

+ Trung tâm hành chính cấp tỉnh giữ nguyên vị trí hiện hữu có quy mô khoảng 67 hécta.

+ Trung tâm hành chính, văn hóa, dịch vụ thương mại, du lịch, dân cư của thành phố có quy mô khoảng 55 hécta, trong giai đoạn đầu và tương lai là 150 hécta bố trí khu vực trên trục đường từ ngã ba Vườn Mít sang Cù lao xã Hiệp Hòa.

+ Trung tâm thương mại tổng hợp, giao dịch quốc tế, dịch vụ cấp vùng có quy mô khoảng 100 hécta bố trí tại Cù lao xã Hiệp Hòa.

Trung tâm thương mại dịch vụ cấp thành phố có quy mô khoảng 130 ha, gồm trung tâm thương mại Cora (ngã tư Vũng Tàu), Trung tâm thương mại Biên Hòa (chợ Biên Hòa); trung tâm thương mại Tân Biên (chợ Sặt); trung tâm thương mại Amata (ngã ba đường Đồng Khởi và xa lộ Hà Nội); trung tâm thương mại quốc lộ 15, trung tâm thương mại Hóa An (quốc lộ 1K).

+ Trung tâm khu vực: gồm trung tâm chợ Tân Hiệp, Tân Mai, Tam Hòa, Long Bình Tân, Tân Biên, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Phong, Cổng 11 và trung tâm công cộng các khu ở có quy mô khoảng 90 hécta.

- Các trung tâm chuyên ngành có quy mô khoảng 367 hécta, bao gồm:

+ Trung tâm giáo dục đào tạo gồm đại học, đào tạo chuyên nghiệp có quy mô khoảng 236 hécta, trong đó 101 hécta là các cơ sở giáo dục đào tạo hiện hữu và 135 hécta xây dựng mới được bố trí tại khu vực phường Long Bình Tân và xã An Hòa, huyện Long Thành (150 hécta) và phường Trảng Dài (35 hécta).

+ Trung tâm y tế – nghỉ dưỡng có quy mô khoảng 96 hécta, trong đó có khoảng 36 hécta là cơ sở y tế hiện hữu và xây dựng mới 60 hécta gồm bệnh viện đa khoa Đồng Nai tại đường Đồng Khởi, bệnh viện quốc tế, bệnh viện Y học dân tộc, viện điều dưỡng, các trung tâm y tế chuyên ngành và cấp cứu.

+ Trung tâm Liên hợp thể dục thể thao Đồng Nai quy mô khoảng 47,75 hécta tại phường Tân Hiệp.

- Các khu an ninh, quốc phòng có quy mô 3.566,8 hécta được giữ nguyên quy mô và vị trí.

Việc khai thác và sử dụng các khu này phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hệ thống cây xanh, mặt nước và công viên có diện tích khoảng 1.762 hécta, trong đó có 581 hécta gồm cây xanh công viên thành phố, cây xanh trong các khu ở và 1.181 hécta cây xanh công viên du lịch và sinh thái, gồm:

+ Công viên du lịch – sinh thái cù lao Hiệp Hòa quy mô 240 hécta

+ Công viên du lịch Bửu Long quy mô 203 hécta

+ Công viên hồ Suối Mai quy mô 250 hécta

+ Công viên cù lao Tân Vạn quy mô 65 hécta

+ Công viên cù lao Ba Xê quy mô 21 hécta.

+ Công Viên Hóa An quy mô 202 hécta (chuyển từ khu vực khai thác đá).

+ Công viên cây xanh dọc sông Cái và sông Đồng Nai có bề rộng từ 20-30m có quy mô khoảng 200 hécta. Ngoài ra, bố trí thêm cây xanh cách ly xung quanh sân bay và khu quân sự có bề rộng khoảng 30m.

+ Nâng diện tích cây xanh đô thị lên 4m²/đầu người đến 2010.

- Vùng dự trữ phát triển và ngoại vi đô thị: bao gồm xã Thạnh Phú, Bình Hòa, Bình Lợi, Tân Bình, Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu), Hố Nai (huyện Thống Nhất, xã Phước Tân, An Hòa (huyện Long Thành) sẽ được nghiên cứu trong đề án mở rộng địa giới hành chính đảm bảo quy mô, chức năng vùng ngoại thành của một đô thị lớn.

c. Về kiến trúc và cảnh quan đô thị:

- Khu vực hạn chế phát triển (khu nội thành): giảm mật độ xây dựng, tăng diện tích cây xanh và tăng tầng cao trung bình;

- Khu vực cảnh quan: Không xây dựng, bảo tồn thiên nhiên dọc hai bên sông Đồng Nai và sông Cái: Đảm bảo khoảng cách ly bảo vệ cảnh quan ven sông, tầng cao xây dựng thấp kết hợp với không gian cây xanh.

- Khu phát triển mới: Phát triển kiến trúc hiện đại, cao tầng với khoảng lùi hợp lý kết hợp không gian xanh dọc trục giao thông chính và tại các khu ở mới;

- Khu Cù lao Hiệp Hòa: Khai thác cảnh quan đặc thù sông rạch Cù lao, trung tâm mới của đô thị đảm bảo gắn kết với thiên nhiên, sinh thái.

6. Định hướng quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông:

- Đường bộ:

+ Cải tạo và xây dựng mạng lưới giao thông đô thị với hệ thống đường vành đai kết hợp với đường hướng tâm.

+ Các đường vành đai gồm:

* Vành đai 1: đường ven sông Cái;

* Vành đai 2: xa lộ Hà Nội – đường Đồng Khởi, đường Nguyễn Văn Trỗi (Quốc lộ 1K), tỉnh lộ 16;

* Vành đai 3: Quốc lộ 1 mới đi phía Nam thành phố nối đường vành đai phía Đông Bắc thành phố lên Thạnh Phú, giao cắt tỉnh lộ 24 qua sông Đồng Nai

sang Tân Uyên (Bình Dương) và nối kết với đường vành đai phía Tây mở mới từ Tân Thạnh nối vào tỉnh lộ 16 đi Tân Uyên.

+ Các trục hướng tâm gồm:

- Trục hướng tâm 1; từ ngã ba Vườn Mít sang Cù lao Hiệp Hòa;

- Trục hướng tâm 2: từ đường Đồng Khởi sang cù lao Hiệp Hòa;

- Trục hướng tâm 3: Mở rộng nâng cấp quốc lộ 15 từ ngã ba Tam Hiệp đến ngã ba đường Trần Quốc Toàn nối sang cù lao Hiệp Hòa.

- Đường sắt

+ Chuyển đường sắt xuống phía Nam, song song với quốc lộ 1 mới

+ Xây dựng tuyến tàu điện trên cơ sở đường sắt hiện hữu, nối tuyến dọc xa lộ Hà Nội, vành đai dọc sông Cái, nối kết với các tuyến xe buýt công cộng

- Cầu: nâng cấp cầu Hóa An hiện tại và xây dựng cầu Hóa An mới, cầu Thường Tân, 4 cầu nối với Cù lao Hiệp Hòa.

- Đầu mối giao thông: Tại các nút giao cắt giữa các vành đai với đường quốc lộ, đường cao tốc sử dụng các nút giao cắt khác cốt. Tại các nút giao giữa các đường phố chính đô thị; mở rộng các nút giao cắt cùng cốt, thiết kế các đảo cây xanh trung tâm và đảo dẫn hướng.

b. Chuẩn bị kỹ thuật đất đai:

- Giải pháp san nền:

+ Cốt xây dựng $H_{xd} > 2,1m$ (theo cao độ của bản đồ 1/10.000 – hệ Mũi Nai);

+ Khối lượng đào đắp khoảng $14.418.000m^3$.

- Thoát nước mưa: các lưu vực chính gồm: suối Săn Máu, suối Linh, suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan và một số lưu vực nhỏ dựa theo địa hình tự nhiên thoát nước ra sông Đồng Nai

c. Cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước: 150 lít/người/ ngày (năm 2010) và 165 lít/người/ ngày (năm 2020).

- Nhu cầu dùng nước: năm 2020: $360m^3/ngày$

- Nguồn nước: nhà máy nước Thiện Tân ($300.000m^3/ngày$), nhà máy nước Biên Hòa ($36.000m^3/ngày$), Nhà máy nước Long Bình ($30.000m^3/ngày$).

d. Cấp điện

- Chi tiêu cấp điện:

+ Điện sinh hoạt: Ngắn hạn (2010): 151.000KW; dài hạn (2020): 415.000KW.

+ Công nghiệp: Ngắn hạn (2010): 275.000KW; dài hạn (2020): 325.000KW.

- Phụ tải điện: Ngắn hạn (2010): 488.650KW; dài hạn (2020): 802.250 KW.

- Nguồn điện: Cải tạo, nâng công suất trạm 110/220KV hiện hữu: Long Bình, Đồng Nai, Biên Hòa, Tân Mai 1; xây dựng mới các trạm Tân Mai 2, Tân Hòa (phục vụ cho dân dụng), Amata, Loteco (phục vụ cho khu công nghiệp tập trung).

đ. Thoát nước bẩn, vệ sinh môi trường:

- Các chỉ tiêu: Thu gom nước thải khoảng 80-90% lưu lượng nước cấp; Chất thải rắn: 0,8 - 1,0kg/người/ngày với tổng lượng rác sinh hoạt tới năm 2020 khoảng 450 - 500tấn/ngày.

- Xử lý nước thải: chia 14 lưu vực thoát nước bẩn. Xây dựng 1 trạm xử lý tập trung tại khu vực phường Long Bình Tân, công suất 80.000m³/ngày/đêm và một số trạm xử lý nhỏ công suất từ 5.000 – 15.000đm³/ngày/đêm/ trạm cho khu vực phía Bắc QL1.

- Xử lý rác:

+ Ngắn hạn (2010): sử dụng bãi rác phường Trảng Dài;

+ Dài hạn (2020): Xây dựng bãi rác mới ở huyện Long Thành

- Nghĩa địa:

+ Ngắn hạn (2010): Nghĩa địa quy mô 32 hécta bố trí tại phường Long Bình;

+ Dài hạn (2020): xây dựng lò thiêu và nghĩa địa tại xã Hố Nai 3 quy mô 40 hécta.

7. Các biện pháp bảo vệ môi trường sông Cái, sông Đồng Nai và các khu công nghiệp tập trung:

- Hạn chế khai thác cát khu vực sông Đồng Nai đoạn qua thành phố tránh sạt lở bờ sông và cù lao Hiệp Hòa;

- Trồng cây xanh hai bên bờ sông Đồng Nai và sông Cái với bề rộng tối thiểu 20-30m đảm bảo môi trường và tạo cảnh quan ven sông;

- Giảm tầng cao và mật độ xây dựng các công trình dọc hai bên bờ sông kết hợp bổ sung không gian xanh, không gian trống điều hòa không khí của đô thị;

- Quản lý và đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn cây xanh, xử lý các loại chất thải trong khu công nghiệp tập trung theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định của pháp luật.

8. Quy hoạch xây dựng đột đầu và chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

a. Đầu tư xây dựng và hoàn chỉnh các dự án phát triển hạ tầng khu công nghiệp Biên Hòa I, Biên Hòa II, Amata giai đoạn I, II và Loteco; di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi hành phố, triển khai các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ.

b. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng các khu nhà ở trên cơ sở phát triển các khu đô thị mới hoàn chỉnh về hạ tầng.

c. Lập quy hoạch chi tiết và triển khai đầu tư xây dựng trung tâm hành chính mới của thành phố tại phường Thống Nhất.

d. Cải tạo khu trung tâm hiện hữu gắn với chỉnh trang cải tạo khu dân cư và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

e. Đầu tư xây dựng các công trình quản lý hành chính và hạ tầng xã hội và kỹ thuật, tạo điều kiện thúc đẩy và hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ tập trung gắn với cải tạo phát triển đô thị, đáp ứng cho đời sống dân cư thành phố công nghiệp.

f. Đầu tư và kêu gọi vốn đầu tư cải tạo và phát triển mới diện tích cây xanh, công viên, khu vui chơi giải trí, du lịch sinh thái. Trên địa bàn thành phố phấn đấu đạt 4m² cây xanh/ người đến năm 2010.

Điều 2. Giao UBND tỉnh Đồng Nai:

a) Phê duyệt hồ sơ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung TP. Biên Hòa đến năm 2020.

b) Công bố để nhân dân biết, kiểm tra và thực hiện; tổ chức việc thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật.

c) Ban hành quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch theo quy hoạch chung TP. Biên Hòa đến năm 2020.

d) Phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức lập, xét duyệt các quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng chuyên ngành, triển khai dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHÓ THỦ TƯỚNG
(Đã ký)
Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:

- Ban bí thư Trung ương Đảng,
 - Thủ tướng, các PTT Chính phủ,
 - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
 - Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND tỉnh Đồng Nai
 - UBND TP. Biên Hòa,
 - Văn phòng TW và các Ban của Đảng,
 - Văn phòng Quốc hội
 - Văn phòng Chủ tịch nước,
 - Công báo
 - VPCP: BTCN, các PCN các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc
- Lưu: CN (5), Văn thư

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 227/2003/QĐ-TTg
ngày 6 tháng 11 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ
phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ điều lệ quản lý quy hoạch đô thị ban hành kèm theo Nghị định số
91/CP ngày 17 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 227/2003/QĐ-TTg ngày 6 tháng 11 năm 2003 của
Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung TP. Biên
Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND tỉnh Đồng Nai (văn bản số 1567/CV-UBT ngày
26-3-2004), của Bộ Xây dựng (văn bản số 518/BXD-KTQH ngày 16 tháng 4
năm 2003) và Bộ Công nghiệp (văn bản số 1829/CV-CNĐP ngày 16 tháng 4
năm 2004),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Điều chỉnh bổ sung một phần nội dung của Mục b, khoản 5, điều 1
tại Quyết định số 227/2003/QĐ-TTg ngày 6 tháng 11 năm 2003 của Thủ tướng
Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 như sau:

*Nội dung: “Ngừng hoạt động khai thác đá tại các mỏ đá Hóa An, Tân Vạn
và Tân Hạnh” được bổ sung điều chỉnh thành: “Hoạt động khai thác đá tại các
mỏ đá Hóa An, Tân Vạn và Tân Hạnh chấm dứt vào năm 2010 để cải tạo thành
khu công viên cây xanh gắn với hồ nước, phục vụ giải trí, du lịch của TP. Biên
Hòa”.*

Các nội dung khác không thay đổi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, Bộ trưởng; Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHÓ THỦ TƯỚNG**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:

- Ban bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Đồng Nai
- Thành ủy, HĐND, UBND TP. Biên Hòa,
- Văn phòng TW và các ban của Đảng
- Văn phòng Quốc hội
- Văn phòng Chủ tịch nước
- Công báo
- VPCP, BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu CN (5) Văn thư

2015/ĐC/VL 000992

**THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI**

NGHỊ QUYẾT**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY****Về xây dựng và phát triển thành phố Biên Hòa giai đoạn 2004 - 2010****PHẦN THỨ NHẤT****TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TRONG NHỮNG NĂM QUA**

Những năm qua, nhất là trong 10 năm thực hiện các Nghị quyết đại hội VII, XIII và IX của Đảng, các nghị quyết đại hội V, VI, VII Đảng bộ tỉnh, đặc biệt là Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 30-12-1993 của Ban thường vụ Tỉnh ủy (khóa V) “về xây dựng và phát triển TP. Biên Hòa đến năm 2000”, Đảng bộ và nhân dân TP. Biên Hòa đã kế thừa truyền thống cách mạng vẻ vang, truyền thống thành phố anh hùng, đoàn kết, sáng tạo, khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng, chất xám, lợi thế, huy động nội lực, xây dựng và phát triển thành phố đạt nhiều thành tựu quan trọng, tạo những chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, dịch vụ, khoa học kỹ thuật của tỉnh.

I. NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC:

- Nhìn chung tình hình kinh tế trên địa bàn thành phố có chuyển biến khá rõ nét theo hướng thành phố công nghiệp, dịch vụ và có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao: GDP trên địa bàn tăng bình quân 19,77%/năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng với 2 ngành công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong tổng thể nền kinh tế quốc dân (đến cuối năm 2003, công nghiệp – xây dựng chiếm 70,7%; thương mại – dịch vụ chiếm 27,7%; nông nghiệp chiếm 1,6%). Thành phố đã phối hợp với các ngành quy hoạch xây dựng 4 khu công nghiệp tập trung, gắn với các cụm công nghiệp vừa và nhỏ. Sản xuất công nghiệp duy trì nhịp độ tăng trưởng khá cao, một số ngành công nghiệp lợi thế trên địa bàn phát triển mạnh. Thương mại – dịch vụ phát triển đa dạng, hình thành các mô hình hoạt động theo hướng văn minh thương mại và

phát triển một số hoạt động dịch vụ chất xám. Nông nghiệp tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng có chuyển biến về mặt chất lượng cả trồng trọt và chăn nuôi.

Vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn được quan tâm khai thác và phát huy khá tốt. Đã triển khai kết hợp nhiều nguồn vốn (nhà nước và xã hội, trong nước và nước ngoài) đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn. Thu ngân sách có tốc độ tăng cao (là nơi có nguồn thu lớn nhất của tỉnh). Thành phố đã chú trọng củng cố, sắp xếp, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước, đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, phát triển mạnh kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Về quản lý và phát triển đô thị, thành phố Biên Hòa đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố giai đoạn 2003-2020; hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội thành phố giai đoạn 2003-2010 (đang trình duyệt); công bố quy hoạch 26 phường, xã, đang tập trung triển khai quy hoạch ngành theo quy hoạch tổng thể. Công tác phát triển đô thị có chuyển biến; bước đầu ban hành các quy định, quy chế về lập lại trật tự, kỷ cương trong xây dựng, quản lý đô thị. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm. Các chỉ tiêu trong bảy nhóm chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật chủ yếu của đô thị loại 2 vào năm 2010, đến năm 2003 thành phố đã có: 2 chỉ tiêu đạt 100%, 4 chỉ tiêu đạt trên 50% và còn 6 chỉ tiêu đạt dưới 50%.

- Sự nghiệp giáo dục – đào tạo, giải quyết việc làm, khoa học – công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục – thể thao có bước phát triển.

Đã thực hiện tốt các chương trình giáo dục – đào tạo ,đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, bảo vệ môi sinh – môi trường và dịch tễ đô thị; tích cực phòng, chống dịch bệnh và đẩy lùi một bước tệ nạn xã hội. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đạt mục tiêu Nghị quyết.

Cơ sở vật chất ngành văn hóa, thể dục – thể thao được củng cố và phát triển. Phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục – thể thao từng bước được mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư vượt mục tiêu nghị quyết đề ra. Quan tâm xây dựng các cụm văn hóa, thiết chế văn hóa phường, xã đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của nhân dân ở cơ sở. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố được nâng lên. Thành phố cơ bản không còn hộ đói. Các hoạt động từ thiện, nhân đạo giúp đỡ người khuyết tật, trẻ mồ côi, người nghèo được nhân dân thành phố nhiệt tình hưởng ứng. Một số đề tài khoa học xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào một số lĩnh vực được quan tâm nghiên cứu triển khai.

- Đảm bảo ổn định chính trị, an ninh quốc phòng trên địa bàn. Tổ chức huấn luyện và diễn tập chặt chẽ, có hiệu quả các kế hoạch theo quyết tâm A, A2, đạt và vượt chỉ tiêu gọi thanh niên nhập ngũ hàng năm; có chuyển biến tốt trong phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc và phòng, chống các tệ nạn xã hội; tăng cường trật tự kỷ cương về an toàn giao thông và trật tự đô thị, giảm tai nạn giao thông. Các cơ quan bảo vệ pháp luật từng bước được củng cố, kiện toàn, nâng hiệu quả hoạt động.

- Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng, đúng luật định. Đã hoàn chỉnh và thông qua đề án cải cách thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa”. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn từng chức danh. Quan tâm đổi mới công tác Dân vận; củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân và thực hiện đại đoàn kết toàn dân. Vai trò của mặt trận và các đoàn thể nhân dân được phát huy. Công tác tổ chức cán bộ ngành dân vận từng bước được kiện toàn. Công tác tập hợp Đoàn viên, Hội viên đạt tỷ lệ khá (năm 1993 là 45,82%; năm 2003 là 65,77%)

- Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng đã kịp thời triển khai, quán triệt các Nghị quyết, chỉ thị của trung ương; Nghị quyết, chương trình hành động của tỉnh và thành phố đến từng Cơ sở đảng, đảng viên và quần chúng nòng cốt; xây dựng Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết, chỉ thị của cấp trên phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và các đơn vị. Kịp thời sơ, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Quan tâm sắp xếp và kiện toàn tổ chức Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức Đảng và đảng viên. Thực hiện được quy hoạch, đào tạo, luân chuyển cán bộ; phát triển đảng viên mới; tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết trung ương 6 (lần 2); rà soát chất lượng chính trị đội ngũ cán bộ, đảng viên; quan tâm công tác bảo vệ chính trị nội bộ; bước đầu đổi mới công tác kiểm tra theo hướng chủ động xây dựng mối quan hệ, phối hợp với các ngành chức năng của Nhà nước để tăng cường công tác kiểm tra đảng.

Những thành quả trên của Đảng bộ thành phố đã góp phần tích cực vào thành tựu chung của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh. Đã thiết lập nền tảng vật chất quan trọng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo cơ sở cho bước phát triển cao hơn của thành phố trong những năm tiếp theo, phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp và đầu mối giao lưu quan trọng của vùng Đông Nam bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

II. NHỮNG HẠN CHẾ TỒN TẠI:

Bên cạnh những thành tựu đạt được, thành phố còn những hạn chế tồn tại sau:

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng và của tỉnh, trong đó nổi bật là quy mô và chất lượng hoạt động của ngành thương mại – dịch vụ còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng của thành phố. Thiếu các định hướng và giải pháp thực hiện các chương trình phát triển ngành, nghề truyền thống trên địa bàn; vốn đầu tư so với yêu cầu phát triển còn hạn chế; tổ chức, sắp xếp các doanh nghiệp Nhà nước (thành phố quản lý) còn chậm; khả năng cạnh tranh và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế chưa cao.

- Công tác quản lý quy hoạch có mặt chưa chặt chẽ; quản lý đất đai, đô thị ở phường, xã còn yếu; một số khu đô thị mới chưa được tập trung xây dựng và chỉnh trang hoàn chỉnh. Tiến độ triển khai các dự án kết cấu hạ tầng (đường giao thông, điện, bưu điện, nước... còn chậm).

- Tình hình an ninh trật tự xã hội ở một số khu vực khá phức tạp, các tệ nạn xã hội, số tội phạm mang tính chất nguy hiểm, tai nạn giao thông vẫn còn xảy ra, đời sống một bộ phận đang còn khó khăn. Số lượng trường lớp vẫn chưa đủ, vấn đề dạy thêm, học thêm còn tùy tiện chưa quản lý được. Việc ứng dụng khoa học – công nghệ vào sản xuất, đời sống còn chậm, chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa chưa vững chắc.

- Công tác xây dựng đảng, chính quyền và vận động quần chúng một số mặt còn yếu. Việc tuyên truyền chủ trương, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong các tầng lớp nhân dân từng lúc, từng nơi chưa sâu rộng, chưa ổn định nội dung hình thức tổ chức. Thực hiện chỉ tiêu xây dựng tổ hạn chế. Kết quả xây dựng, củng cố về tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động ở một số tổ chức đoàn thể, cơ sở (nhất là địa bàn khu phố, ấp và trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh) chưa đạt yêu cầu. Lực lượng cán bộ kế thừa của hệ thống chính trị còn hụt hẫng.

Nguyên nhân chủ yếu những hạn chế, tồn tại trên là:

- Phát triển kinh tế của thành phố nằm trong sự phát triển kinh tế chung của tỉnh và trung ương, song đến nay trung ương chưa ban hành quy chế quản lý đô thị loại 2 nên hạn chế sự chủ động của thành phố.

- Thời gian qua, Nghị quyết của tỉnh, thành phố về phát triển thành phố Biên Hòa theo tiêu chuẩn đô thị loại 2 còn nhiều chỉ tiêu chưa được cụ thể hóa thành mục tiêu, chỉ tiêu hàng năm và xây dựng lộ trình thực hiện, đến nay còn một số chỉ tiêu đạt dưới 50% so với mục tiêu đặt ra đến năm 2010.

- Việc chủ động, phối hợp giữa các ngành của tỉnh và giữa tỉnh với thành phố trong công tác xây dựng và quản lý đô thị chưa chặt chẽ và đồng bộ. Công tác xác định chiến lược về định hướng đầu tư phát triển dài hạn, ngắn hạn theo quy hoạch còn lúng túng, thiếu định hướng và giải pháp cụ thể.

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng, tạo nguồn cán bộ và chế độ thu hút nhân tài còn khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố.

- Việc tổ chức tuyên truyền, học tập các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong nhân dân còn hạn chế; từ đó dẫn đến nhận thức tham gia quản lý xã hội bằng pháp luật của một bộ phận dân cư còn yếu kém, nhất là việc chấp hành các quy định, quy chế quản lý đô thị.

- Thực hiện nhiệm vụ kinh tế kết hợp với an ninh – quốc phòng còn hạn chế. Công tác giáo dục quan điểm, đường lối chiến lược xây dựng nền quốc phòng toàn dân cho cán bộ đảng viên và nhân dân chưa thường xuyên, liên tục.

- Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy đảng, chính quyền, hiệu quả hoạt động của Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân còn hạn chế.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA GIAI ĐOẠN 2004-2010

Biên Hòa là thành phố có chiều dài lịch sử hơn 300 năm xây dựng và phát triển. Trong tương lai khi hệ thống cảng dời khỏi thành phố Hồ Chí Minh, sân bay quốc tế Long Thành được xây dựng, huyện Nhơn Trạch trở thành thành phố công nghiệp lớn, sự phát triển của các huyện và thị xã Long Khánh; cùng với những thuận lợi riêng (về giao thông đường thủy, sự tiếp giáp với hệ sinh thái rừng tương đối lớn và quan trọng ở phía Bắc, tất cả các cơ quan đầu não của tỉnh đều nằm trên địa bàn thành phố...) và theo dự kiến đến năm 2010 Đồng Nai trở thành tỉnh công nghiệp; do đó, thành phố Biên Hòa phải là một trung tâm công nghiệp, dịch vụ và đầu mối giao lưu quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng Đông Nam bộ, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, dịch vụ, khoa học kỹ thuật, đầu mối giao thông, có vị trí quan trọng về an ninh và quốc phòng của tỉnh.

I. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU TỔNG QUÁT:

- Định hướng phát triển thành phố Biên hòa đến năm 2010 là: tập trung sức đầu tư phát triển thành phố Biên Hòa trở thành thành phố công nghiệp – dịch vụ văn minh, hiện đại, đủ tiêu chuẩn đô thị loại 2; có tổ chức Đảng và hệ thống

chính trị trong sạch, vững mạnh; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày một nâng cao. Phấn đấu xây dựng thành phố Biên Hòa là địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh, năng động về kinh tế, lành mạnh về văn hóa, trong sạch về môi trường, dân chủ trong kỷ cương và trật tự an toàn xã hội, có nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

Mục tiêu tổng quát của thành phố Biên Hòa đến năm 2010 là:

+ Tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực trên địa bàn thành phố để đáp ứng yêu cầu đầu tư và phát triển một cách ổn định, bền vững. Phấn đấu đạt mức tăng trưởng kinh tế (GDP) hàng năm trên địa bàn cao hơn so mức tăng trưởng bình quân chung của tỉnh; đồng thời tạo chuyển biến mạnh về cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành thương mại – dịch vụ trong năm 2005 và giai đoạn 2006 - 2010. Tập trung phát triển không gian và kiến trúc cảnh quan đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thành phố ngang tầm đô thị loại 2 theo Quyết định số 227/2003/QĐ-Ttg ngày 6-11-2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2020.

+ Tạo chuyển biến căn bản, toàn diện, đồng bộ hơn về ứng dụng khoa học, công nghệ; giáo dục đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo; giải quyết có hiệu quả các vấn đề đời sống, việc làm và thực hiện các chính sách xã hội. Phấn đấu đến năm 2005 trên địa bàn thành phố có đủ trường lớp cho nhu cầu phát triển giáo dục; 10% trường đạt chuẩn quốc gia; 97% hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh; 50% trạm y tế phường, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Đến năm 2010 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 30% (số trường còn lại đạt cả 4 chuẩn, trừ chuẩn diện tích đất trên đầu học sinh); cơ bản các hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh; riêng chỉ tiêu tỷ lệ trạm y tế phường xã đạt chuẩn quốc gia về y tế cố gắng đạt 100% vào năm 2008.

+ Tăng cường xây dựng nâng cao đời sống tinh thần, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa, dân tộc vun đắp truyền thống cách mạng, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo nhân lực, xây dựng con người thành phố có phẩm chất, đạo đức, trí tuệ, năng động để đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, phát triển thành phố văn minh, hiện đại, xứng đáng với truyền thống thành phố anh hùng trong đấu tranh cách mạng và trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, phòng chống có hiệu quả các loại tội phạm; tạo chuyển biến rõ nét hơn về trật tự trong xây dựng và quản lý đô thị. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo vệ môi sinh, môi trường, xây dựng đời sống xã hội lành mạnh, giàu chất nhân văn, tiêu biểu cho hào khí Đồng Nai.

+ Tiếp tục đổi mới, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở. Tập trung củng cố về tổ chức và tiếp tục cải tiến về nội dung, phương thức hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân ở cơ sở và địa bàn dân cư khu phố. Tập trung xây dựng đảng trong sạch vững mạnh và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Phấn đấu hàng năm trên 97% tổ chức cơ sở Đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh và hoàn thành nhiệm vụ, trên 97% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ. Phấn đấu đến cuối năm 2005, tất cả khu phố, ấp, trường học đều có chi bộ, tổ đảng.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA ĐẾN NĂM 2010:

Để thực hiện phương hướng và mục tiêu trên, từ nay đến năm 2010, Đảng bộ và nhân dân thành phố Biên hòa cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

1. Tập trung các mặt xây dựng thành phố Biên Hòa ngang tầm với đô thị loại 2:

a. Về kinh tế:

- Phát huy tối đa các nguồn lực, tiềm năng và lợi thế so sánh; huy động nhiều nguồn vốn: vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng, vốn huy động trong dân (trong đó có nguồn xã hội hóa), vốn từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, vốn cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, quỹ hỗ trợ đầu tư... cho phát triển kinh tế thành phố với tốc độ nhanh, hiệu quả, bền vững, có tác động lan tỏa đến sự phát triển đối với các địa phương khác trong tỉnh. Tiếp tục đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng: công nghiệp – dịch vụ, nâng chất lượng và đổi mới cơ cấu ngành thương mại – dịch vụ, tạo sự cân đối hợp lý giữa hai ngành công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ trong cơ cấu kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố và phát triển chung của tỉnh. Nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, ít gây ô nhiễm; ngành nghề truyền thống, ngành nghề có tiềm năng và lợi thế so sánh như: điện, điện tử, công nghệ thông tin, gốm mỹ nghệ, vật liệu xây dựng đa năng và cao cấp, chế biến nông lâm sản – lương thực – thực phẩm và thức ăn gia súc, cơ khí phục vụ xây dựng dân dụng, nhựa, bao bì, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ (để nâng cao hiệu quả kinh tế ngành dệt, giày da, may mặc). Các ngành nghề trên phải được đầu tư phát triển theo quy hoạch trong các khu và cụm công nghiệp, đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Hạn chế phát triển những ngành liên quan đến khai thác tài nguyên khoáng sản.

- Tiếp tục tăng cường quan hệ quốc tế, củng cố và mở rộng thị trường, nâng cao năng lực của các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, chú trọng đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu và thay thế hàng nhập khẩu. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ. Phát triển mạnh các loại hình thị trường dịch vụ cao cấp, có hàm lượng chất xám cao và có tiềm năng, lợi thế như: tin học, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, dịch vụ phục vụ khu cụm công nghiệp, dịch vụ phục vụ khu dân cư tập trung, tư vấn, đào tạo và chuyển giao công nghệ, vận tải, tài chính – ngân hàng – bảo hiểm, bưu chính, viễn thông... Phát huy ưu thế du lịch sinh thái và cảnh quan ven sông Đồng Nai, quan tâm đầu tư phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng trên địa bàn thành phố

- Tiếp tục đầu tư khu vực nông nghiệp thành phố theo hướng nông nghiệp sạch, phát triển cây ăn trái gắn với du lịch sinh thái, duy trì phát triển vùng trồng rau xanh, an toàn ven thành phố. Khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác trong trồng trọt, chăn nuôi để nâng cao hiệu quả. Phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản trên sông Đồng Nai đúng hướng dẫn và có giám sát kỹ thuật chặt chẽ, tránh ô nhiễm môi trường. Phát triển lâm trường Biên Hòa, thành lâm viên Biên Hòa.

- Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước; đặc biệt là củng cố các tổ chức xây dựng Nhà nước trên địa bàn theo hướng hình thành các công ty xây dựng quy mô lớn, trang thiết bị hiện đại, đủ năng lực đấu thầu các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn, khu vực và có khả năng đấu thầu quốc tế. Quản lý tốt các tổ chức xây dựng tư nhân. Củng cố, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Phối hợp chặt chẽ với các ngành của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế triển khai các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố với công nghệ hiện đại.

b. Về xây dựng và quản lý đô thị:

- Thực hiện tốt các biện pháp huy động các nguồn lực từ bên ngoài và nội lực của thành phố, đấu giá quyền sử dụng đất, đầu tư theo các hình thức BOT, BT để tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tương xứng với tầm vóc của đô thị loại II, trong đó chú trọng:

Xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp tập trung và các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở ngoại vi thành phố với quy mô thích hợp để chuyển dịch dần toàn bộ các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm xen lẫn khu dân cư ra khỏi thành phố (năm 2005 có đề án khảo sát, đến năm 2010 xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm). Tăng cường xử lý chất thải các loại trong khu, cụm

công nghiệp tập trung theo tiêu chuẩn và các quy định của pháp luật.

Tập trung xây dựng và chỉnh trang một số công trình hạ tầng đô thị (hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà ở, trung tâm hành chính – văn hóa – thương mại, các trung tâm thương mại dịch vụ tập trung, cầu, đường giao thông, hệ thống chợ, công viên, cây xanh, khu vui chơi giải trí, hệ thống vệ sinh môi trường...) theo đúng quy hoạch, đáp ứng nhu cầu bức thiết của nhân dân và phát triển của thành phố trong tương lai. Chú ý công tác đầu tư phát triển đô thị phải theo chương trình, kế hoạch đồng bộ, có trọng điểm và được tiến hành từng bước dựa trên phân kỳ thực hiện quy hoạch; phải kết hợp tốt giữa cải tạo các công trình hiện hữu và xây dựng công trình mới. Xây dựng các cụm đô thị theo hướng khai thác không gian, tập trung giải quyết dứt điểm nhà tạm, nhà lụp xụp, các khu nhà lấn chiếm sông, suối... đảm bảo kiến trúc hiện đại, văn minh.

Khẩn trương điều chỉnh và xây dựng lại các quy hoạch chi tiết không gian đô thị của các phường, xã và quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn theo đúng quyết định điều chỉnh quy hoạch chung của thành phố đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng quy chế phân cấp về quản lý Nhà nước cho thành phố theo hướng phân cấp này càng toàn diện hơn, thông thoáng hơn và rộng hơn. Ban hành các quy chế quản lý đô thị một cách toàn diện, đồng bộ, khoa học theo hướng cải cách hành chính, hiệu quả và có hiệu lực.

- Tiến hành xây dựng lộ trình và giải pháp khả thi đẩy nhanh tiến độ thực hiện từng chỉ tiêu trong 7 nhóm chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật chủ yếu của đô thị loại 2, trong đó những chỉ tiêu đã đạt tiêu chuẩn thì tiếp tục nâng cao chất lượng, chỉ tiêu chưa đạt tiêu chuẩn phải quyết tâm thực hiện đạt và vượt cả về số lượng và chất lượng.

2. Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân và phát triển xã hội, thực hiện công bằng xã hội, dân chủ và văn minh:

- Tiếp tục triển khai sâu rộng, toàn diện hơn cuộc vận động xã hội hóa giáo dục; phát huy vai trò chủ động, tích cực của hội đồng giáo dục, Hội khuyến học để hỗ trợ tích cực cho công tác giáo dục. Xây dựng và thực hiện đề án nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm, phấn đấu đến năm 2005 có 100% giáo viên và cán bộ quản lý các trường công lập, bán công đạt chuẩn quy định. Tập trung hiện đại hóa trang thiết bị và cơ sở vật chất cho ngành giáo dục. Nâng cao chất lượng phổ cập trung học. Có biện pháp phát triển năng khiếu học sinh, tạo điều kiện tốt nhất để hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng hệ thống giáo dục – hoạt động hiệu quả trung tâm học tập cộng đồng thành đồng bộ thiết chế văn hóa ở cơ sở.

- Phát triển khoa học – công nghệ gắn với phát triển các mặt của thành phố. Đặc biệt, tăng cường công tác ứng dụng những thành tựu nghiên cứu đã nghiệm thu vào thực tiễn các mặt hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới y tế cơ sở và hiện đại hóa trang thiết bị cho ngành y tế, nâng cao y đức và trình độ chuyên môn của đội ngũ y – bác sĩ, đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế đáp ứng yêu cầu của xã hội. Hoàn thành quy hoạch ngành y tế trên địa bàn và quản lý chặt chẽ dịch vụ y tế tư nhân theo quy hoạch, tăng cường kiểm tra thường xuyên an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường khu vực dân cư, tăng cường phòng, chống dịch bệnh và các bệnh xã hội. Thực hiện tốt chương trình chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, chương trình dân số – kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, quan tâm quản lý và có chọn lọc việc tăng dân số cơ học.

- Tăng cường quản lý Nhà nước về đào tạo nghề, quy hoạch và củng cố lại các cơ sở dạy nghề, các trung tâm giáo dục – kỹ thuật – hướng nghiệp hiện có và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, phát triển cơ sở dạy nghề với các chương trình đào tạo có trọng điểm theo các trình độ, ngành nghề (nhất là những nghề thuộc lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ sinh học), đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và đời sống. Thực hiện tốt mô hình liên kết đào tạo – tuyển dụng giữa các cơ sở dạy nghề với các doanh nghiệp. Nâng cấp một số trường trung học chuyên nghiệp lên cao đẳng – đại học. Khuyến khích các loại hình dịch vụ thu hút lao động, giải quyết việc làm tại chỗ.

- Phấn đấu 100% phường, xã làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, xây dựng quỹ nhà ở cho đối tượng chính sách và người có thu nhập thấp xây dựng và thực hiện chương trình phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn có hiệu quả.

- Quan tâm công tác quy hoạch và tổ chức quản lý, đầu tư phát triển văn hóa theo quy hoạch. Quản lý chặt chẽ hoạt động văn hóa nghệ thuật, thông tin tuyên truyền thể dục – thể thao. Kịp thời ngăn chặn sự phát sinh, xâm nhập của các sản phẩm văn hóa nghệ thuật độc hại, đồi trụy; phát triển mạnh phong trào văn hóa nghệ thuật, thể dục – thể thao quần chúng đa dạng, lành mạnh, đúng định hướng. Tăng cường chỉ đạo thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, hình thành nếp sống văn minh đô thị. Phấn đấu 100% xã, phường có trung tâm văn hóa, thể thao được đầu tư và quản lý hoạt động có hiệu quả. Đẩy mạnh công tác quản lý, tôn tạo, bảo tồn các di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn, thông qua các công trình văn hóa, vật thể để giáo dục truyền thống lịch sử, truyền thống cách mạng cho nhân dân.

3. Đảm bảo an ninh quốc phòng và thực thi pháp luật:

- Tăng cường lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đảng đối với quân đội và công an nhân dân. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, giữ vững ổn định chính trị và đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, từng bước xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trên địa bàn thành phố theo Nghị quyết số 02/NQ/TW ngày 30-7-1987 của Bộ Chính trị và các nghị quyết của Tỉnh ủy, của Thành ủy.

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, giáo dục, phổ biến rộng rãi kiến thức quốc phòng cho cán bộ, công chức và nhân dân, bảo đảm thực hiện chủ trương “sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. Phấn đấu đến cuối năm 2006 có 100% trưởng, phó đội nghiệp vụ; trưởng, phó công an phường, xã và số cán bộ diện quy hoạch lãnh đạo, chỉ huy được chuẩn hóa theo quy định.

- Thường xuyên củng cố, xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đủ sức bảo vệ địa bàn trong mọi tình huống. Tăng cường công tác bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh kinh tế và an ninh tư tưởng, văn hóa; đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố. Tăng cường công tác an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông và hạn chế thấp nhất tai nạn giao thông.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên, bảo vệ dân phố, tổ an ninh nhân dân, đội dân phòng phù hợp với tình hình thực tế của từng địa bàn, từng địa phương; phấn đấu đến năm 2005 có 100% cán bộ trong Ban chỉ huy quân sự cấp phường, xã là đảng viên, trên 70% lực lượng bán chuyên trách làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở hoạt động khá.

- Đầu tư đáp ứng yêu cầu cấp thiết về trang thiết bị, phương tiện và điều kiện làm việc cho các lực lượng vũ trang và cơ quan pháp luật; ứng dụng các kỹ thuật và công nghệ trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng – an ninh.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa VII) thực hiện nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”. Nâng cao chất lượng hoạt động của ngành nội chính.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh; giữ vững kỷ luật, kỷ cương.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND 2 cấp và đại biểu HĐND. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền giám sát bộ máy Nhà nước.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương (khóa VIII), gắn với xây dựng và thực hiện quy chế làm việc ở các ngành, các cấp từ thành phố đến cơ sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của thành phố và phường, xã; mở rộng dân chủ XHCN, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng nhà nước ở địa phương. Tăng cường quản lý kinh tế – xã hội theo pháp luật. Kiện toàn bộ máy cán bộ đối với các phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố gắn với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức nhằm chuẩn hóa cán bộ theo pháp lệnh cán bộ, công chức. Thực hiện bố trí cán bộ, công chức theo quy hoạch, đúng tiêu chuẩn chức danh, đúng ngành nghề đào tạo theo hướng chuyên môn hóa. Thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với cán bộ phường, xã. Giải quyết tốt và kịp thời khiếu tố, khiếu nại của dân.

- Thực hiện hiện đại hóa công sở, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

- Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước với Mặt trận, các đoàn thể từ thành phố đến cơ sở trong quản lý, phát triển kinh tế – xã hội và thực nghiêm việc xiết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hệ thống quản lý hành chính.

5. Thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng, tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khóa VIII) và kết luận của hội nghị trung ương 4 (khóa IX); củng cố hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ:

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị tư tưởng. Kiên quyết khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên trên cơ sở đẩy mạnh giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp quần chúng về lý luận Mác – Lênin; triển khai sâu rộng việc rèn luyện đạo đức lối sống, tư tưởng, tác phong Hồ Chí Minh; đường lối, lập trường, quan điểm, bản chất giai cấp của Đảng, pháp luật của Nhà nước, truyền thống yêu nước của dân tộc, kiên định con đường đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường giáo dục ý thức chấp hành nguyên tắc đảng (nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình); gương mẫu và thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục ý thức về quyền, nghĩa vụ của công dân, xây dựng trong nhân dân nếp sống văn minh đô thị, gia đình văn hóa, đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Chú trọng nâng chất lượng học tập, quán triệt các Nghị quyết của đảng phấn đấu số người tham gia học đạt từ 90% trở lên. Nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Quản lý

chặt chẽ hoạt động văn hóa, thông tin trên địa bàn. Từng bước hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ làm công tác tư tưởng.

- Tiếp tục thực hiện tốt kết luận hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng (khóa I X) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí. Chú trọng việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Cơ sở đảng và đảng viên; tăng cường công tác phát triển đảng trong tất cả loại hình Cơ sở đảng (nhất là trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh theo Chỉ thị 07-CT/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 07-CT/TU của Tỉnh ủy) đảm bảo có chất lượng. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo phương châm “hướng về cơ sở”; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, việc tổ chức thực hiện các nghị quyết; kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, quan tâm xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trong nhân dân. Tăng cường công tác quản lý cán bộ theo quy định 75QĐ.TW của Bộ Chính trị. Nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, phù hợp từng loại hình cơ sở, đặc biệt là nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trực thuộc Cơ sở đảng. Thực hiện tốt việc phân công đảng viên. Tổ chức nghiêm túc việc đánh giá chất lượng Cơ sở đảng và đảng viên hàng năm, trên cơ sở đó có biện pháp kiện toàn, củng cố ngay những tổ chức Cơ sở đảng yếu kém. Kết hợp chặt chẽ giữa các Ban đảng, các Ngành chức năng và Cơ sở đảng để nắm chắc diễn biến tình hình chính trị nội bộ; tham mưu giúp cấp ủy kịp thời xử lý những lệnh lạc, vi phạm chủ trương, đường lối, cương lĩnh và thực hiện tốt quy định 76QĐ/TW của Bộ Chính trị về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với Chi ủy, Đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú, Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cấp cơ sở. Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ để đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố. Đẩy mạnh việc thực hiện nghị quyết trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, kết luận hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương (khóa I X) về công tác tổ chức và cán bộ. Tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có; xây dựng tiêu chuẩn cán bộ ở từng lĩnh vực, từng cấp, trên cơ sở đó lập quy hoạch, tạo nguồn cán bộ; tiến hành đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch, tạo điều kiện cho cán bộ tham gia học tập, nghiên cứu sau đại học gắn với luân

chuyển, bố trí, đề bạt cán bộ sau khi đào tạo. Thực hiện tốt các biện pháp thu hút nhân tài; các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng con em gia đình chính sách, gia đình cách mạng.

- Bổ sung, xây dựng quy chế làm việc và làm việc theo quy chế đúng loại hình cơ sở Đảng theo các quy định của Ban bí thư Trung ương (khóa I X).

- Xây dựng và thực hiện quy chế khuyến khích, biểu dương, bảo vệ người có tinh thần đấu tranh xây dựng Đảng, đồng thời xử lý nghiêm những người lợi dụng đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực với động cơ cá nhân, gây rối.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện điều lệ Đảng, các quy định, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chương trình công tác của cấp ủy cấp trên. Đồng thời kịp thời kiểm tra những tổ chức Đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật đảng viên đảm bảo đúng quy trình, nguyên tắc và thời gian quy định. Củng cố, kiện toàn bộ máy hoạt động của Ủy ban kiểm tra thành ủy và cơ sở; tăng cường công tác kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

6. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

- Tập trung củng cố, kiện toàn về tổ chức hoạt động của mặt trận và các đoàn thể cơ sở, địa bàn dân cư để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; đồng thời tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập các Nghị quyết của trung ương, chương trình hành động của Tỉnh ủy, Thành ủy về công tác mặt trận, đoàn thể, công tác vận động quần chúng cho đoàn viên, hội viên, quần chúng nhân dân.

- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của công tác dân vận theo hướng sát cơ sở, hướng hoạt động vào giải quyết các vấn đề kinh tế – xã hội, bảo đảm lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên, gắn với việc phát động sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước, chủ động, sáng tạo, xây dựng và nhân rộng các điển hình hoạt động tiên tiến của mặt trận và đoàn thể ở địa bàn dân cư (tổ tự quản, chi tổ hội văn hóa, xây dựng khu phố văn hóa...) và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác tập hợp quần chúng ở các phường xã vào các tổ chức đoàn thể. Chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động các đoàn thể nhân dân từ thành phố đến ấp, khu phố, nhất là các đoàn thể trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

PHẦN THỨ BA

CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy (khóa VII) về “xây dựng và phát triển TP. Biên Hòa trong giai đoạn 2004-2010” được triển khai, quán triệt đến các Ban đảng của tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh và các Cấp ủy trực thuộc tỉnh. Riêng TP. Biên Hòa tổ chức quán triệt nghị quyết này cho tất cả cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong toàn Đảng bộ thành phố.

2. Giao Thành ủy Biên Hòa lập Ban chỉ đạo “xây dựng và phát triển TP. Biên Hòa”. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ cụ thể hóa nội dung Nghị quyết trên của ban thường vụ tỉnh ủy (khóa VII) và Quyết định 227/203/QĐ-TTg ngày 6-11-2003 của Thủ tướng Chính phủ về “phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 thành chương trình hành động sát, hợp với tình hình thực tế của địa phương. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban, Ngành, cơ quan của tỉnh, các địa phương lân cận, nhằm tạo thêm sức mạnh và điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo Nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy (khóa VI) về phát triển TP. Biên Hòa sớm đi vào cuộc sống, tạo bước chuyển biến nhanh, có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực. Định kỳ có sơ, tổng kết và báo cáo kết quả cho Ban thường vụ Tỉnh ủy.

3. Giao ban cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành của tỉnh tăng cường ý thức trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy, coi việc thực hiện nghị quyết là nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ thành phố xây dựng và thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết; định kỳ có kiểm tra và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, cùng với thành phố thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy đề ra.

4. Các Đảng ủy khối trực thuộc tỉnh, các huyện, thị xã cần chủ động phát triển quan hệ liên kết, hợp tác với TP. Biên Hòa trên các lĩnh vực, tạo nên sự gắn bó và sức mạnh chung để cùng phát triển.

5. Giao ban kinh tế Tỉnh ủy phối hợp với Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết. Định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện nghị quyết cho Ban thường vụ Tỉnh ủy biết và chỉ đạo.